DANH MỤC THỰC HIỆN CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1063 /QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày/ngày làm việc)			Tỉ lệ % cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
A	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (17 TTHC)**					
I	**Lĩnh vực An toàn thực phẩm (02 TTHC)**					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	25	8	17	32,00%	Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	25	8	17	32,00%	
II	**Lĩnh vực Cụm Công nghiệp (01 TTHC)**					
1	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	57	17	40	29,82%	Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 01/10/2024
III	**Lĩnh vực Nghề thủ công mỹ nghệ (01 TTHC)**					
1	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực Nghề thủ công mỹ nghệ	90	27	63	30,00%	Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 28/5/2024
IV	**Lĩnh vực Điện lực (04 TTHC)**					
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	10	3	7	30,00%	Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 12/3/2025
2	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	10	3	7	30,00%	
3	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	12	4	8	33,33%	
4	Điều chỉnh phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	12	4	8	33,33%	
V	**Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (01 TTHC)**					
1	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương	30	10	20	33,33%	Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 27/6/2024
VI	**Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp (01 TTHC)**					
1	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	7	2	5	28,57%	Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 22/01/2024

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày/ngày làm việc)			Tỉ lệ % cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
VII	**Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý (02 TTHC)**					
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	60	18	42	30,00%	Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 14/8/2024
2	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh	75	22,5	52,5	30,00%	
VIII	**Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (05 TTHC)**					
1	Cấp sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	14	5	9	35,71%	Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 29/3/2024
2	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	14	5	9	35,71%	
3	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	30	9	21	30,00%	
4	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	30	9	21	30,00%	
4.1	*Trường hợp không phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng*	*20*	*6*	*14*	*30,00%*	
4.2	*Trường hợp không phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng*	*40*	*12*	*28*	*30,00%*	
5	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	20	6,5	13,5	32,50%	
5.1	*Trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP*	*14*	*5*	*9*	*35,71%*	
5.2	*Trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP.*	*26*	*8*	*18*	*30,77%*	
	Tổng cộng A	**521**	**161**	**360**	**30,90%**	
B	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 TTHC)**					
	Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý (02 TTHC)					
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	60	18	42	30,00%	Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 19/8/2021
2	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện	75	22,5	52,5	30,00%	
	Tổng cộng B	**135**	**41**	**94**	**30,00%**	
	TỔNG SỐ (Tỉnh + xã) (A+B)	**656**	**202**	**454**	**30,72%**	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày/ngày làm việc)			Tỉ lệ % cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		

Ghi chú:

Đối với TTHC quy định nhiều trường hợp:

**Thời gian thực hiện theo quy định* của TTHC là trung bình cộng thời gian thực hiện của tất cả các trường hợp của TTHC đó.

**Thời gian cắt giảm* của TTHC là trung bình cộng thời gian cắt giảm của tất cả các trường hợp của TTHC đó.